

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 7 - 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Ngọc Liêm
2. Ông Tôn Phước Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Vinh - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 383/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 323/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 311/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị D, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp PT 3, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đặng Minh H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp LT2, xã LG, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Đặng Minh H do mai mối nên tiến đến hôn nhân từ năm 1999. Đến năm 2013, Chị D và anh H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Giang, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Vợ chồng

chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H tham gia đánh bạc và có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác, Chị D có khuyên ngăn, động viên anh H nhưng anh H không chịu sửa đổi, tu chí làm ăn nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cha mẹ hai bên gia đình không động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Chị D và anh H vì biết anh H không có sửa chữa tính tình và bản thân Chị D cũng không muốn quay lại chung sống với anh H. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên Chị D yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Minh T, sinh ngày 12/6/2001 và Đặng Thị Thúy Q, sinh ngày 29/7/2013. Hiện con chung tên Đặng Minh T, sinh ngày 12/6/2001 đã trưởng thành và tự lao động nuôi sống bản thân. Đối với con chung tên Đặng Thị Thúy Q, sinh ngày 29/7/2013 hiện đang sống cùng với Chị D. Khi ly hôn, Chị D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q. Không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, Chị D đang ở nhà đi làm thuê cho các hộ gia đình làm vườn; thu nhập bình quân mỗi ngày là 160.000 đồng - 200.000 đồng nên đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đặng Minh H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Chị Ngô Thị D trình bày: Chị D và anh H chung sống đến khoảng giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn gay gắt do anh H không lo làm ăn, không phụ giúp Chị D chăm sóc gia đình, tham gia đánh bạc và có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác. Chị D có động viên, khuyên ngăn nhưng anh H không chịu sửa đổi tính tình nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh H không có liên lạc thăm nom vợ con và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; gia đình 02 bên cũng không có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Chị D và anh H. Chị D và anh H có 02 con chung Đặng Minh T, sinh ngày 12/6/2001 và Đặng Thị Thúy Q, sinh ngày 29/7/2013; con chung tên Đặng Minh T đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung tên Đặng Thị Thúy Q, hiện nay đang sống với Chị D. Do đó, Chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh Đặng Minh H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị D. Về quan hệ hôn nhân, chị Ngô Thị D được ly hôn anh Đặng Minh H. Về con

chung, chị Ngô Thị D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đặng Thị Thúy Q, sinh ngày 29/7/2013; anh Đặng Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Đặng Minh T, sinh ngày 12/6/2001 (hiện đã trưởng thành), tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Ngô Thị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Đặng Minh H và trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Đặng Minh H có nơi cư trú tại ấp LT2, xã LG, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Đặng Minh H theo quy định của pháp luật nhưng anh Đặng Minh H vắng mặt không có lý do chính đáng và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị D nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Tại phiên tòa, anh Đặng Minh H đã được triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Minh H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân:

Chị Ngô Thị D cho rằng, chị D và anh H do mai mối nên tiến đến hôn nhân vào 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Giang, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 16/8/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến khoảng giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn gay gắt do anh H không lo làm ăn, không phụ giúp Chị D chăm sóc gia đình, tham gia đánh bạc và có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác. Chị D có động viên, khuyên ngăn nhưng anh H không chịu sửa đổi tính tình nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh H không có liên lạc thăm nom vợ con và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; gia đình 02 bên cũng không có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Chị D và anh H.

Xét thấy, chị Ngô Thị D và anh Đặng Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Anh Đặng Minh H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án và không có ý kiến phản

đôi đối với yêu cầu khởi kiện của Chị D, thể hiện anh Đặng Minh H không còn thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa Chị D và anh H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Chị D và anh H theo quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được nên lời trình bày của Chị D về tình trạng hôn nhân giữa Chị D và anh H là có cơ sở chấp nhận. Nói cách khác, đã có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị D và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc Chị D yêu cầu ly hôn anh H phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung: Chị Ngô Thị D xác định vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Minh T, sinh ngày 12/6/2001 và Đặng Thị Thúy Q, sinh ngày 29/7/2013, cháu Q sống với Chị D từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Khi ly hôn, Chị D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đặng Thị Thúy Q, đối với con chung tên Đặng Minh T hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với con chung tên Đặng Minh T, sinh ngày 12/6/2001 hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân, Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Đối với con chung tên Đặng Thị Thúy Q, sinh ngày 29/7/2013, Chị D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q khi ly hôn. Xét thấy, việc giao con chung là người chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Khi vợ chồng sống ly thân, cháu Q sinh sống với Chị D cho đến nay nên tình cảm của cháu đã gắn liền với người nuôi dưỡng; quá trình sinh sống với Chị D, cháu Q được đi học và phát triển bình thường. Mặt khác, Chị D cũng có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q. Cháu Q cũng có nguyện vọng được sống với Chị D. Để ổn định cuộc sống cho cháu Q, giúp cháu Q phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của Chị D khi ly hôn phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ngô Thị D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn nên anh Đặng Minh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị Ngô Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.3] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Ngô Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị D.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị D được ly hôn anh Đặng Minh H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 208 do Ủy ban nhân dân xã Long Giang, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 16/8/2013 cho chị Ngô Thị D và anh Đặng Minh H không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Chị Ngô Thị D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đặng Thị Thúy Q, sinh ngày 29/7/2013. Hiện nay đang sống với chị Ngô Thị D.

Anh Đặng Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Ngô Thị D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Đặng Minh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0010491 ngày 13/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân xã Long Giang, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Sang